

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/DS-ST

Ngày 14 tháng 5 năm 2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Nay
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14-5-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 514/2025/TLST- DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Phụng, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Khu phố Bàu Trâm, phường Long Khánh, thành phố Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Trần Anh Tú, sinh năm 2003.
Địa chỉ: Tổ 18, khu phố Bàu Trâm, phường Long Khánh, thành phố Đồng Nai.

- Bị đơn:

Anh Huỳnh Kim Sơn, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 5, phường Xuân Bình (nay là phường Long Khánh), thành phố Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Phụng do ông Nguyễn Trần Anh Tú đại diện trình bày, tranh luận:

Do quen biết nên ngày 01/11/2022, ông Phụng cho ông Sơn vay số tiền 500,000,000đ (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 2%/1 tháng, trả lãi hàng tháng cho đến khi thanh toán hết số tiền gốc. Sau khi vay tiền ông Sơn trả cho ông Phụng được hai tháng tiền lãi, cụ thể là tháng 12/2022 và tháng 01/2023, tổng số tiền là 20.000.000đ sau đó không trả nữa. Ông Phụng yêu cầu trả lãi đúng theo thỏa thuận thì ông Sơn nói khi nào thanh toán gốc thì trả lãi luôn.

Đến hạn trả gốc như đã thỏa thuận ông Phụng yêu cầu ông Sơn trả lại gốc và lãi cho ông nhưng ông khất hết lần này đến lần khác đến nay chưa trả lại số tiền vay cho ông Phụng. Ông Phụng đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Sơn cố tình chây ỳ, né tránh việc trả nợ.

Nay ông Phụng yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4- Đồng Nai tuyên buộc ông Huỳnh Kim Sơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền gốc là 500.000.000đ và lãi suất theo mức lãi suất 1,66%/ 1 tháng kể từ tháng 02/2023 cho đến khi tòa án xét xử xong vụ án, tạm tính đến ngày nộp đơn là 33 tháng (500,000,000đ x 1,66 x 33 tháng 273.900.000đ). Tổng số tiền ông Phụng yêu cầu ông Sơn và bà Mến phải thanh toán là 773.900.000đ (Bảy trăm bảy mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng).

Trước đó nguyên đơn có làm đơn khởi kiện ông Sơn cùng bà Trần Thị Mến phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Phụng. Ngày 02 tháng 4 năm 2026 nguyên đơn làm đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện. Theo đó, nguyên đơn xác định lại người bị kiện trong vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là ông Huỳnh Kim Sơn và yêu cầu ông Sơn có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phụng toàn bộ khoản tiền nêu trên, bao gồm tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi theo mức 1.66%/tháng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi thanh toán xong.

Không yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Thị Mến phải trả toàn bộ số tiền là 773.900.000đ theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện nêu trên vì bà Mến không biết và không có liên quan gì đến việc vay mượn nêu trên.

2. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Kim Sơn trình bày, tranh luận:

Ông Sơn thừa nhận chữ viết tại phần nội dung tại giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là do ông viết ra, chữ ký tên Huỳnh Kim Sơn là do ông Sơn ký tên. Ông Sơn cũng thừa nhận có vay tiền của anh Phụng để đặt cọc thửa đất tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc với số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng. Không thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng. Đến nay ông Sơn chưa thanh toán được tiền cho ông Phụng vì lý do đặt cọc mua thửa đất, nhưng sau đó gặp sự cố không thể mua bán được đất nên chủ đất đang giữ tiền cọc 500.000.000đ của ông. Chủ đất có hứa là khi nào bán được đất thì sẽ trả lại cọc cho ông Sơn, ông Sơn sẽ trả lại cho ông Phụng. Việc vay tiền đặt cọc đất là giữa ông Sơn với ông Phụng, không liên quan đến bà Trần Thị Mến, do đó trong hợp đồng đồng vay tiền không có bà Mến ký tên. Hơn nữa ông Sơn chỉ mới đặt cọc đất. Do đó một mình ông Sơn sẽ trả nợ cho ông Phụng vì số tiền vay mượn nêu trên không

liên quan gì đến bà Mến và bà Mến cũng không biết ông Sơn và tiền của ông Phụng, chính ông Phụng cũng thừa nhận về việc này. Nay ông Phụng yêu cầu ông Sơn thanh toán 500.000.000đ tiền gốc thì ông Sơn đồng ý. Tuy nhiên đối với tiền lãi ông Sơn không đồng ý vì hai bên không thỏa thuận lãi, hơn nữa hiện nay ông Sơn đang khó khăn tài chính, chủ đất cũng chưa bán được đất để trả cọc cho ông.

Những lần làm việc sau cũng như tại phiên tòa xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng ông Sơn vắng mặt không có lý do.

** Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:*

+ Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án: Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, CCCD, hợp đồng cho vay, hợp đồng ủy quyền, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, giấy vay tiền (bản chính).

+ Tài liệu, chứng cứ bị đơn đã cung cấp cho Tòa án: Bản tự khai

+ Tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được: Biên bản lấy lời khai của đương sự, Biên bản xác minh tại Công an phường Xuân Lập.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa hôm nay:*

- Đại diện nguyên đơn trình bày:

Do trong giấy vay tiền giữa các bên không ghi nhận cụ thể mức lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ mức lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng mức lãi suất được xác định trong vụ án này là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng).

Căn cứ vào mức lãi suất nêu trên thì tiền lãi trong hạn (01/11/2022 – 01/11/2023) của khoản vay được xác định như sau: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 12 \text{ tháng} = \mathbf{49.800.000 \text{ đồng}}$.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng vay, ông Sơn đã thanh toán cho ông Phụng tổng số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi của 02 tháng đầu tiên là tháng 12/2022 và tháng 01/2023. Tuy nhiên, theo mức lãi suất được pháp luật công nhận thì số tiền lãi hợp pháp tương ứng với 02 tháng nêu trên là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 02 \text{ tháng} = \mathbf{8.300.000 \text{ đồng}}$. Như vậy, số tiền vượt quá mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng) là: $20.000.000 \text{ đồng} - 8.300.000 \text{ đồng} = \mathbf{11.700.000 \text{ đồng}}$.

Theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, phần tiền lãi vượt quá này phải được căn trừ vào tiền nợ gốc. Do đó, số tiền nợ gốc còn lại mà ông Sơn phải thanh toán cho ông Phụng là: $500.000.000 \text{ đồng} - 11.700.000 \text{ đồng} = \mathbf{488.300.000 \text{ đồng}}$.

Đối với khoản tiền lãi trong hạn chưa thanh toán (từ tháng 02/2023 – tháng 11/2023) thì được xác định như sau: 49.800.000 đồng – 8.300.000 đồng = **41.500.000 đồng**.

Đối với tiền lãi quá hạn, tính từ tháng 12/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án là tháng 5/2026, tương ứng 29 tháng, được xác định như sau: 488.300.000 đồng $\times$ 0,83% $\times$ 29 tháng = **117.533.810 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền ông Huỳnh Kim Sơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn Phụng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án gồm:

- Tiền nợ gốc còn lại: 488.300.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 41.500.000 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 117.533.810 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà ông Sơn phải thanh toán cho ông Phụng là: **647.333.810 đồng** (Sáu trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn tám trăm mười đồng).

- Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, đại diện đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án; quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng: ông Nguyễn Văn Phụng khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Kim Sơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc, tiền lãi nên ông Phụng là nguyên đơn, ông Sơn là bị đơn; Ông Sơn có nơi cư trú tại phường Long Khánh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục ủy quyền: ông Huỳnh Kim Phụng có văn bản ủy quyền cho ông Tú làm đại diện. Xét việc ủy quyền trên của là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định tại Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Các đương sự không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2025 nguyên đơn yêu cầu ông Huỳnh Kim Sơn và bà Trần Thị Mến có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ. Đến ngày 02 tháng 4 năm 2026 nguyên đơn xác định lại là chỉ yêu cầu một mình ông Sơn thanh toán nợ vay, không yêu cầu bà Mến trả nợ. Xét yêu cầu này của nguyên đơn không trái quy định, phù hợp với giấy vay tiền giữa các bên lập không có chữ ký của bà Mến. Bản thân bị đơn cũng đồng ý một mình trả nợ cho nguyên đơn. Do đó ông Sơn có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Phụng là đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét và không đưa tư cách tham gia tố tụng của bà Trần Thị Mến vào vụ án vì bà Mến không liên quan gì đến việc vay mượn giữa ông Phụng và ông Sơn và chính ông Phụng và ông Sơn cũng thừa nhận về việc này.

[5] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Phụng yêu cầu ông Sơn thanh toán số tiền gốc và lãi theo quy định.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã cung cấp một giấy vay tiền lập ngày 21 tháng 10 năm 2022. Ông Sơn thừa nhận chữ ký, chữ viết tên Huỳnh Kim Sơn trong giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp là chữ ký, chữ viết của ông Sơn, bị đơn cũng thừa nhận có vay của nguyên đơn 500.000.000đ và đồng ý trả số tiền trên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn là sự thật. Tuy nhiên quá trình vay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ do đó cần tính lại tiền gốc cho bị đơn cho đúng quy định pháp luật, cụ thể:

Do trong giấy vay tiền giữa các bên không ghi nhận cụ thể mức lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ mức lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng mức lãi suất được xác định trong vụ án này là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng).

Trong thời gian thực hiện hợp đồng vay, ông Sơn đã thanh toán cho ông Phụng tổng số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi của 02 tháng đầu tiên là tháng 12/2022 và tháng 01/2023. Tuy nhiên, theo mức lãi suất được pháp luật công nhận thì số tiền lãi hợp pháp tương ứng với 02 tháng nêu trên là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 02 \text{ tháng} = \mathbf{8.300.000 \text{ đồng}}$. Như vậy, số tiền vượt quá mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng) là: $20.000.000 \text{ đồng} - 8.300.000 \text{ đồng} = \mathbf{11.700.000 \text{ đồng}}$.

Theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, phần tiền lãi vượt quá này phải được cản trừ vào tiền nợ gốc. Do đó, số tiền nợ gốc còn

lại mà ông Sơn và bà Mến phải thanh toán cho ông Phụng là: 500.000.000 đồng – 11.700.000 đồng = **488.300.000 đồng**.

Căn cứ vào mức lãi suất nêu trên thì tiền lãi trong hạn (01/11/2022 – 01/11/2023) của khoản vay được xác định như sau: 500.000.000 đồng $\times$ 0,83% $\times$ 12 tháng = **49.800.000 đồng**.

Đối với khoản tiền lãi trong hạn chưa thanh toán (02/2023 – 11/2023) thì được xác định như sau: 49.800.000 đồng – 8.300.000 đồng = **41.500.000 đồng**.

Đối với tiền lãi quá hạn, tính từ tháng 12/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án là tháng 5/2026, tương ứng 29 tháng, được xác định như sau: 488.300.000 đồng $\times$ 0,83% $\times$ 29 tháng = **117.533.810 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền ông Huỳnh Kim Sơn phải có nghĩa vụ liên thanh toán cho ông Nguyễn Văn Phụng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án gồm:

- Tiền nợ gốc còn lại: 488.300.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 41.500.000 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 117.533.810 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi mà ông Sơn phải thanh toán cho ông Phụng là: **647.333.810 đồng** (Sáu trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn tám trăm mười đồng).

Ông Sơn cho rằng hai bên khi vay không thỏa thuận lãi nên không đồng ý trả tiền lãi cho ông Phụng là không có căn cứ.

Qua nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Huỳnh Kim Sơn phải trả cho ông Nguyễn Văn Phụng tổng số tiền gốc và lãi là **647.333.810 đồng** (Sáu trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn tám trăm mười đồng).

[5] Về án phí:

Ông Huỳnh Kim Sơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn Phụng được chấp nhận là 29.893.352 (Từ 400.000.000đ đến 800.000.000đ thì phải chịu án phí 20.000.000đ và cộng 4% số tiền vượt quá 400.000.000đ).

Ông Nguyễn Văn Phụng không phải chịu tiền án phí.

[6] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Đồng Nai.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 91, 147, 157, 165, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều Điều 116; Điều 117, Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Phụng về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Huỳnh Kim Sơn.

Buộc ông Huỳnh Kim Sơn có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn Phụng tổng số tiền **647.333.810 đồng** (sáu trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm mười đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Huỳnh Kim Sơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.893.352 đ (hai mươi chín triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng).

- Trả lại cho Ông Nguyễn Văn Phụng số tiền tạm ứng án phí DSST 14.478.000đ (mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010335 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Người nhận:

- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Thi hành án tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

(2)
(1)
(1)
(1)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triều Châu

